

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 143/2019/KDTM - PT

Ngày: 15/11/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng cổ phần.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Ngô Thị Huyền Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 15/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2019/TLPT ngày 03/7/2019 về Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2019/QĐ - PT ngày 07 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 430/2019/QĐ - PT ngày 18/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 471/2019/QĐ - PT giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khúc Thị Thanh Huyền, sinh năm 1979

Trú tại: Số 143, ngõ 85 phố H, phường T, quận TX, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1985.

Trú tại: Số 10, phố V, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

(Bà H và Bà H1 đều vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Q

Trụ sở theo ĐKKD: Tầng 25, tòa nhà P, lô VP2 Y, phường YH, quận C, thành phố Hà Nội (nay là Tầng 25, tòa nhà P, số 01 PV, phường YH, quận C, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1982 – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức S; ông Nguyễn Văn T; ông Nguyễn Trần H; bà Trần Thị T – Luật sư Công ty Luật THNN S, tầng 2, tòa nhà L, số 02 D, quận C, Thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1982.

- Bà Hoàng Thị Cẩm A, sinh năm 1988.

(Ông Sơn, bà Cẩm A có mặt tại phiên tòa; ông T, ông H, bà T vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Cổ phần M .

Trụ sở: Số 143, ngõ 85, phố H , phường TX , quận TX , thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thu T , sinh năm 1995 - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Trần Ngọc B , sinh năm 1973.

Trú tại: Lô HH, Khu đô thị T, đường TH, phường T, quận NTL, Thành phố Hà Nội (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Công ty Cổ phần DK .

Trụ sở: Tầng 5, Tòa nhà A, số 36 phố HC, phường O, quận Đ , thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Duy Đ - Tổng Giám đốc.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Q – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - chị Khúc Thị Thanh H và người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Chị H là cổ đông của Công ty Cổ phần DK (DK). Ngày 11/4/2016, tôi có ký Hợp đồng đặt cọc với Công ty Cổ phần Q để mua 4.350.000 cổ phần phổ thông tương đương với 8,38% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DK (DK). Tại hợp đồng đặt cọc tôi và bên bán (Công ty Q) đã thỏa thuận rất cụ thể các nội dung:

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng: 4.350.000 cổ phần phổ thông của Công ty DK .

+ Mã chứng khoán: DK ; Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

+ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

+ Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá: 43.500.000.000 đồng.

+ Giá chuyển nhượng: 4.300đồng/cổ phần.

+ Tổng giá trị chuyển nhượng: 18.705.000.000 đồng.

+ Số tiền đặt cọc: các bên thỏa thuận đặt cọc cho việc chuyển nhượng cổ phần số tiền là 1.870.500.000 đồng, tương đương 10% tổng giá trị chuyển nhượng.

+ Thời hạn thanh toán tiền đặt cọc là trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký thỏa thuận đặt cọc, bên mua phải chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản của bên bán.

+ Thỏa thuận khác: Tại hợp đồng đặt cọc, chúng tôi đã thỏa thuận rõ ràng: chỉ cần bên mua thanh toán đầy đủ tiền đặt cọc thì bên bán sẽ ký Hợp đồng chuyển nhượng cho bên mua để bên mua đứng tên sở hữu số cổ phần đã mua; đồng thời bên

mua phải thế chấp lại ngay toàn bộ số cổ phần đã nhận chuyển nhượng trên cho chính bên bán; và thế chấp thêm 10.623.914 cổ phiếu phổ thông DK (do công ty cổ phần đầu tư M nắm giữ) để đảm bảo việc thanh toán của bên mua trong thời hạn 18 tháng.

Sau khi ký hợp đồng đặt cọc tôi đã chuyển toàn bộ tiền đặt cọc cho bên bán theo đúng thỏa thuận.

Ngày 23/06/2016, tôi ký Hợp đồng chuyển nhượng 4.350.000 cổ phần phổ thông DK . Ngay sau đó, tôi đã ký hợp đồng thế chấp lại toàn bộ số cổ phần đã mua cho bên bán, nhưng bên bán không làm thủ tục sang tên sở hữu tại cơ quan có thẩm quyền cho tôi. Tôi đã rất nhiều lần yêu cầu bằng điện thoại, email, văn bản đề nghị bên bán làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần cho tôi (theo Điều 4 Hợp đồng chuyển nhượng) nhưng bên bán cố tình kéo dài thời gian không làm thủ tục.

Tình huống khách quan khác: Trong thời gian bên bán cố tình kéo dài thời gian không sang tên sở hữu cổ phần đã bán cho tôi thì xuất hiện một tình huống khách quan - bất khả kháng đó là: Ngày 26/4/2017, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 296/QĐ-SGDHN và đến ngày 31/5/2017 thì phát hành Thông báo số 684/TB -SDGHN về việc hạn chế giao dịch đối với mã chứng khoán DK , theo đó mã chứng khoán DK bị hủy niêm yết trên sàn giao dịch HNX và chỉ được giao dịch vào phiên thứ 6 hàng tuần trên sàn UpCoM, dẫn đến thỏa thuận giữa các bên về việc giao dịch chuyển nhượng mã chứng khoán DK trên Sàn HNX là không thể thực hiện được.

Do đó, đến thời điểm hiện nay, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa tôi và Công ty Q là không thể thực hiện (do lỗi của Bên bán cố tình không thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng + sự kiện bất khả kháng).

Đề nghị Tòa giải quyết yêu cầu chấm dứt thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa các bên, buộc Công ty Q hoàn trả cho tôi số tiền đã nhận là 1.870.500.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Trần Đức S trình bày:

Công Ty Q AM (gọi tắt là bị đơn) đơn vị được ủy thác quản lý và bán 4.350.000 cổ phần của Công ty cổ phần DK (“Cổ Phần Chuyển Nhượng”).

Ngày 11/4/2016, bị đơn và nguyên đơn ký kết Biên bản thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần (“Thỏa Thuận Đặt Cọc”) để chuyển nhượng toàn bộ số Cổ phần chuyển nhượng nêu trên của bị đơn sang cho nguyên đơn. Thỏa thuận đặt cọc có một số nội dung chính, ngoài các nội dung khác, như sau:

Giá trị chuyển nhượng toàn bộ cổ phần chuyển nhượng là 18.705.000.000 đồng, không bao gồm phí giao dịch, các khoản thuế, phí và lệ phí của nhà nước;

Nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn số tiền là 1.870.500.000 đồng tương đương với 10% của tổng giá trị chuyển nhượng (“Tiền đặt cọc”);

Sau khi bị đơn nhận đủ số tiền đặt cọc, các bên sẽ tiến hành ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;

Nguyên đơn có nghĩa vụ thu xếp thế chấp bổ sung 10.623.914 cổ phần của Công ty cổ phần DK do Công ty cổ phần Đầu tư M nắm giữ cho bị đơn;

Việc thanh toán số tiền chuyển nhượng cổ phần còn lại sẽ được thực hiện sau 18 tháng kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có hiệu lực, chi tiết được quy định cụ thể tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

Trên cơ sở thống nhất của các bên theo Thỏa thuận đặt cọc nêu trên, nguyên đơn đã chuyển tiền đặt cọc cho bị đơn;

Ngày 23/6/2016, bị đơn và nguyên đơn đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (“Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần”). Theo đó, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có quy định, ngoài các nội dung khác, một số nội dung chính như sau:

Bị đơn đồng ý một cách không hủy ngang bán cho nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý một cách không hủy ngang mua từ bị đơn số Cổ phần chuyển nhượng (Điều 2.01);

Giá mua bán Cổ phần chuyển nhượng và thời hạn thanh toán không thay đổi so với thỏa thuận đặt cọc nêu trên;

Để thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn đồng ý và thu xếp cầm cố toàn bộ số Cổ phần chuyển nhượng và cầm cố bổ sung 10.700.000 cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần DK (“Tài sản cầm cố bổ sung”) do ông Trần Ngọc B nắm giữ cùng tất cả các quyền và lợi ích liên quan đến số cổ phần này cho bị đơn (Điều 2.04);

Cùng với việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, các bên phải ký Hợp đồng cầm cố chứng khoán (tức là nguyên đơn có nghĩa vụ cầm cố Cổ phần chuyển nhượng và thu xếp việc cầm cố tài sản cầm cố bổ sung cho bị đơn) (Điều 6.01a) .

Trên thực tế, ngay sau khi ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, bị đơn đã chuẩn bị để sẵn sàng tiến hành các thủ tục cần thiết liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần chuyển nhượng. Tuy nhiên, nguyên đơn đã cố tình dùng mọi biện pháp và cách thức trì hoãn để không tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần.

Vi phạm của chị H : Theo quy định tại Điều 6.01a Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cũng như các trao đổi và thỏa thuận liên quan, các bên thống nhất rằng nghĩa vụ thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phần chuyển nhượng và nghĩa vụ cầm cố bổ sung tài sản cầm cố bổ sung sẽ được thực hiện song song. Nói cách khác, cùng với việc ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, bị đơn sẽ bàn giao các tài liệu để Chị Hoàn tất việc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 4.01 và 4.02 với điều kiện tiên quyết là các bên đồng thời ký các Hợp đồng cầm cố chứng khoán theo quy định tại Điều 4.03 và Điều Điều 6.01a (tức là hợp đồng ký bởi và giữa Bên cầm cố - ông Trần Ngọc B , bên được cầm cố/bảo lãnh – nguyên đơn và bên nhận cầm cố - bị đơn).

Trên cơ sở các quy định của thỏa thuận đặt cọc, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cũng như quy định của pháp luật liên quan, các bên đã trao đổi và thống nhất về các điều khoản và điều kiện của hợp đồng cầm cố. Để đẩy nhanh việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, bị đơn thậm chí đã chủ động soạn thảo hợp đồng cầm cố và gửi cho nguyên đơn trên cơ sở các nội dung đã trao đổi và thống nhất. Trên thực tế, bị đơn thậm chí cũng đã ký trước và chuyển cho nguyên đơn hợp đồng

này cũng như ký ủy quyền theo yêu cầu đề nguyên đơn (đại diện của bị đơn tại Công ty cổ phần DK ký ủy quyền cho người của chị H) thực hiện một số công việc tại Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần DK .

Do đã có ý định không muốn tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, nguyên đơn đã ký và gửi lại bị đơn 02 bản Hợp đồng cầm cố chứng khoán đề ngày 27/3/2017 và 31/03/2017 với những thay đổi rất phi lý đối với một số nội dung quan trọng mà trước đó các bên đã có trao đổi và thống nhất, bao gồm:

Nguyên đơn yêu cầu thay đổi phạm vi bảo đảm chỉ bao gồm tài sản cầm cố bổ sung mà không bao gồm lợi tức, cổ tức, các quyền, lợi ích phát sinh từ tài sản cầm cố bổ sung (Điều 1.3 của Hợp đồng cầm cố chứng khoán do nguyên đơn ký) trong khi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần quy định rất rõ ràng rằng Chị H có nghĩa vụ cầm cố tài sản cầm cố bổ sung và *“tất cả các quyền và lợi ích liên quan đến số cổ phần này”* (Điều 2.04).

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu 50% chi phí đăng ký giao dịch đảm bảo đối với việc cầm cố (Điều 3.3 của Hợp đồng cầm cố chứng khoán do nguyên đơn ký) trong khi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần quy định rất rõ ràng rằng Chị H *“có nghĩa vụ thanh toán chi phí phát sinh liên quan đến việc cầm cố, lưu ký, phong tỏa, giải tỏa tài sản đảm bảo”* (Điều 5.2c).

Đặc biệt, các bản Hợp đồng cầm cố chứng khoán, nguyên đơn gửi cho bị đơn chỉ có chữ ký của nguyên đơn mà không hề có chữ ký của chủ sở hữu tài sản cầm cố bổ sung là ông Trần Ngọc B nên hoàn toàn không có giá trị pháp lý. Liên quan đến việc này, bị đơn đã nhiều lần gửi thư yêu cầu và thúc giục Chị H thực hiện nghĩa vụ cầm cố tài sản cầm cố bổ sung, cụ thể là yêu cầu Chị H thu xếp để Bên cầm cố ký vào Hợp đồng cầm cố chứng khoán mà bị đơn đã ký trước, làm cơ sở để bị đơn bàn giao các giấy tờ để Chị H làm các thủ tục chuyển nhượng cổ phần nhưng nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ này.

Với tinh thần thiện chí và hỗ trợ, sau khi ký hợp đồng tới hơn 1 năm, do nguyên đơn không cung cấp được bản Hợp đồng cầm cố chứng khoán có chữ ký của ông Trần Ngọc B , bị đơn cũng chấp nhận và hướng dẫn cho Chị H thực hiện phương án chuyển nhượng thay thế. Cụ thể là, nếu nguyên đơn không thu xếp được với Bên cầm cố để ký Hợp đồng cầm cố chứng khoán, Chị H có thể mua trực tiếp số Cổ Phần Chuyển Nhượng bằng giao dịch khớp lệnh trên sàn UpCoM. Để thực hiện được việc này, đương nhiên nguyên đơn phải chủ động chuẩn bị đủ lượng tiền mặt, tối thiểu bằng với tổng giá trị Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (thực tế Chị H thông báo đã chuẩn bị đủ nguồn tiền để có thể thực hiện giao dịch trên sàn) và nếu nguyên đơn thực hiện theo phương án này thì bị đơn sẽ hoàn trả lại Tiền Đặt Cọc sau khi hoàn thành việc khớp lệnh mua bán, nhưng một lần nữa nguyên đơn không thực hiện theo phương án này.

Trong các công văn nêu trên, bị đơn luôn có cảnh báo nguyên đơn về các hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ, đồng thời đặt ra các giới hạn về thời gian cho việc thực hiện các nghĩa vụ của nguyên đơn nhưng nguyên đơn đã cố tình không thực hiện các nghĩa vụ của mình.

Bị đơn cho rằng, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là một loại hợp đồng song vụ được qui định tại Điều 414, 415 và 417 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Như vậy, thu xếp để ký hợp đồng cầm cố chứng khoán với bên cầm cố - ông Trần Ngọc B là nghĩa vụ của nguyên đơn và nghĩa vụ này phải được thực hiện trước hoặc chậm nhất cùng thời điểm khi bị đơn bàn giao cho nguyên đơn các tài liệu hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần chuyển nhượng. Trong trường hợp này, rõ ràng là trong khi bị đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, nguyên đơn cố tình không thực hiện các thỏa thuận và cam kết của các bên mặc dù đã được cảnh báo về các hậu quả pháp lý.

Chúng tôi cho rằng các ý kiến của nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình là hoàn toàn vô lý và không có cơ sở. Trong trường hợp này, bị đơn mới là bên bị vi phạm và chịu thiệt hại do việc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ của nguyên đơn dẫn đến việc không thể bán được Cổ phần chuyển nhượng cho bên khác tại những thời điểm cổ phần này có giá tốt. Tương ứng với điều này, đáng lẽ ra bị đơn mới là nguyên đơn tiến hành việc khởi kiện nguyên đơn buộc tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và các thỏa thuận liên quan.

Do giá chứng khoán trên toàn thị trường liên tục giảm mạnh, trong đó giá cổ phần chuyển nhượng xuống thấp và bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt nên việc giao dịch chỉ được thực hiện vào các phiên giao dịch thứ 6 hàng tuần trên sàn UPCOM thay sàn HNX. Việc hạn chế giao dịch này không ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng cổ phần của bị đơn cho nguyên đơn do trong trường hợp cụ thể này các bên thống nhất thực hiện chuyển nhượng theo hình thức thỏa thuận và vẫn hoàn toàn có thể thực hiện thông qua khớp lệnh trên sàn.

Như vậy, theo quan điểm của bị đơn, bản chất của việc nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là do giá cổ phần chuyển nhượng giảm. Bên cạnh đó, với việc có được ủy quyền của đại diện bị đơn như nêu trên đây, nguyên đơn có thể đã đạt được những lợi ích thông qua việc biểu quyết của người được ủy quyền tại Hội đồng quản trị Công ty cổ phần DK .

Để có sự đánh giá đúng bản chất của sự việc, cho đến thời điểm này, bị đơn có thể vẫn sẵn sàng xem xét và chấp nhận việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nếu nguyên đơn chuẩn bị đủ lượng tiền thanh toán tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

Đề nghị của bị đơn: Bị đơn bác bỏ toàn bộ ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Để bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của bị đơn, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét và quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên chấm dứt thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và hoàn trả khoản tiền đặt cọc;

Tuyên thỏa thuận đặt cọc và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là hoàn toàn hợp pháp, có hiệu lực và có giá trị pháp lý ràng buộc các bên và buộc nguyên đơn tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc chịu mất khoản tiền đặt cọc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần DK trình bày:

Công ty Cổ phần DK là Công ty đại chúng, có mã chứng khoán DK được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Việc các cá nhân thực hiện các giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu sự quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cơ quan có thẩm quyền, Công ty không quản lý việc giao dịch này. Vì vậy, Công ty xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần đầu tư M có lời khai.

- Tại thời điểm tháng 4 năm 2016, Công ty cổ phần M đang nắm giữ - là chủ sở hữu hợp pháp của 10.623.914 cổ phiếu phổ thông Công ty cổ phần DK (Mã cổ phiếu là DK).

- Do mối quan hệ quen biết trong công việc, Công ty M có được biết chị Khúc Thị Thanh H có nhu cầu muốn mua 4.350.000 cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần DK (DK); Số cổ phần này thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Q .

- Để giúp đỡ nhau trong kinh doanh nên Công ty M có nhận bảo lãnh cho Chị H mua số cổ phần trên bằng hình thức bảo lãnh của bên thứ 3. Theo đó, Công ty M sẽ cầm cố 10.623.914 cổ phiếu phổ thông DK (do Công ty cổ phần đầu tư M nắm giữ) cho Công ty Cổ phần Q để đảm bảo cho khả năng thanh toán tiền của Chị H trong thời hạn 18 tháng.

- Ngày 11/4/2016, có ký Hợp đồng đặt cọc để mua 4.350.000 cổ phần phổ thông tương đương với 8,38% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DK (DK).

- Ngày 23/6/2016, Hợp đồng mua bán chính thức được ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Trong nội dung của Hợp đồng mua bán có thỏa thuận về việc “vào ngày hoàn tất chuyển nhượng, các bên phải ký hợp đồng cầm cố” (Mục 4.03 Điều 4). Tuy nhiên, Công ty M đợi mãi mà vẫn chưa thấy bên bán hoàn tất chuyển nhượng cho chị H .

- Do vậy, ngày 22/7/2016, Công ty M đã chuyển nhượng 10.623.914 cổ phiếu phổ thông của Công ty cổ phần DK (mã cổ phiếu là DK) cho chủ sở hữu mới là ông Trần Ngọc B . Khi chuyển nhượng cho Ông B , phía Công ty M cũng thông báo bằng lời nói cho Ông B biết sự việc trên, Ông B cũng có nhận thông tin và sẽ bảo lãnh nếu quyền và lợi ích giữa các bên được đảm bảo theo đúng pháp luật.

Hiện nay, Công ty M đã chuyển nhượng cổ phần cho người khác, nghĩa vụ bảo lãnh cầm cố theo thỏa thuận đặt cọc và hợp đồng mua bán cổ phần nêu trên là không còn. Do vậy, Công ty M không có nghĩa vụ gì liên quan đến nghĩa vụ nêu trên nữa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Ngọc B có lời khai:

- Ngày 22/7/2016, ông có nhận chuyển nhượng 10.623.914 cổ phiếu phổ thông của Công ty cổ phần DK (Mã cổ phiếu là DK) từ Công ty cổ phần M b.

- Khi nhận chuyển nhượng, ông cũng được bên bán thông báo về việc trước đó có hứa bảo lãnh hợp đồng mua cổ phiếu cho nguyên đơn để đảm bảo thanh toán đối với bị đơn. Tuy nhiên, ông cũng nói cho nguyên đơn và bị đơn biết rằng, Hợp

đồng cầm cổ ba bên phải đảm bảo đúng pháp luật; bản thân ông phải được cùng các bên tham gia thương lượng các điều khoản trong hợp đồng đó vì đó là tài sản của ông. Bị đơn có nghĩa vụ soạn thảo hợp đồng sau đó chuyển lại cho nguyên đơn và cho ông để các bên cùng thương lượng. Nhưng, trong quá trình thương lượng hợp đồng cầm cổ ba bên, ông nhận thấy bị đơn không tôn trọng ý kiến của ông cũng như ý kiến của nguyên đơn; cố tình chậm soạn thảo văn bản; cố tình đưa ra các điều khoản phi lý mà không được sự chấp thuận của ông. Vì thế nên đến nay hợp đồng này vẫn chưa được ký kết. Các bên chủ thể khi tham gia ký kết hợp đồng dân sự thì đều có quyền ngang nhau trong việc đưa ra ý kiến của mình. Vậy mà, bị đơn luôn cho rằng mình là pháp nhân lớn nên không tôn trọng ý kiến của các cá nhân chủ thể khác, điều này là sự thiếu tôn trọng với ông. Ông cho rằng, giao dịch mua bán cổ phần giữa nguyên đơn và bị đơn đến thời điểm này không thực hiện được hoàn toàn do lỗi của bị đơn. Do vậy, đến nay ông không đồng ý cầm cổ số cổ phần của ông cho bị đơn để bảo lãnh thanh toán cho nguyên đơn nữa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: không đề nghị bồi thường đối với số tiền đã đặt cọc. Đề nghị bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền đặt cọc là 1.870.500.000 đồng vì ngay sau khi ký hợp đồng đặt cọc các bên chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng sang tên cho nguyên đơn theo như thỏa thuận mà hai bên đã ký kết; số cổ phiếu các bên nhận chuyển nhượng đã bị hủy niêm yết trên sàn HNX - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội; Ông B không đồng ý ký hợp đồng bảo lãnh cho nguyên đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hà Nội, quyết định:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Khúc Thị Thanh Huyền. Buộc Công ty Cổ phần Q phải trả lại Chị H số tiền 1.870.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

+ Ngày 14/12/2018, bị đơn có đơn kháng cáo đối với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân quận C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên lời khai ở cấp sơ thẩm. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và giữ nguyên toàn bộ lời khai ở cấp sơ thẩm.

Luật sư Trần Đức S bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có quan điểm: Cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu DK đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội bên ngoài Sở giao dịch là vi phạm qui định tại Luật chứng khoán là chưa đầy đủ và chưa chính xác. Bởi lẽ: căn cứ Quy chế giao dịch chứng khoán và các văn bản hướng dẫn về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán thì giao dịch của 2 bên về ý chí cũng như thỏa thuận tại Điều 4.01 của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là 4.300đ/cổ phần thuộc giao dịch theo phương thức chuyển nhượng ngoài

biên độ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Và thực tế, bên bị đơn đã chuẩn bị toàn bộ các giấy tờ cần thiết để xin UBCKNN chấp thuận giao dịch ngoài biên độ nhưng Bà H đã không thực hiện nghĩa vụ cầm cố tài sản cầm cố bổ sung nên việc xin thủ tục chuyển quyền sở hữu UBCKNN để chuyển nhượng qua TTLKCK chưa thể thực hiện được.

Bị đơn không vi phạm nghĩa vụ thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho nguyên đơn mà do nguyên đơn không thực hiện ký Hợp đồng cầm cố chứng khoán bổ sung theo Điều 6 của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nên các bên không thể thực hiện được nội dung chuyển nhượng theo Điều 4 của Hợp đồng. Mặt khác, Điều 4 của Hợp đồng qui định ngày “hoàn tất chuyển nhượng cổ phần” phải được hiểu là bao gồm hoàn tất tất cả các thủ tục quy định tại Điều 4 của hợp đồng và các bên phải ký các hợp đồng cầm cố chứ không phải hoàn tất chuyển nhượng chỉ thuộc về nghĩa vụ của bên bán.

Cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng cầm cố giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu cả về hình thức và nội dung là không có cơ sở, bởi lẽ: để nộp hồ sơ và tiến hành các thủ tục chuyển nhượng cổ phần theo phương thức thỏa thuận giao dịch ngoài biên độ trong trường hợp này thì việc ký kết hợp đồng cầm cố chứng khoán phải được thực hiện trước. Cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng cầm cố giữa bà Huyền, Công ty Q và ông Trần Ngọc B vô hiệu do không có chữ ký của Ông B là không có căn cứ vì: căn cứ thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thì Bà H phải có nghĩa vụ thu xếp với bên thứ 3 là Ông B để ký hợp đồng cầm cố cổ phần bổ sung nhưng thực tế Bà H đã không thực hiện nghĩa vụ này và như vậy hợp đồng này chỉ có chữ ký của Q. Mặc dù, về nội dung hợp đồng cầm cố bổ sung có nội dung hoàn toàn giống với Hợp đồng cầm cố cổ phần mà Bà H đã ký nhưng Bà H và Ông B nại ra các lý do không chính đáng để không ký hợp đồng, dẫn đến Q chưa thể ký các hồ sơ và thực hiện các thủ tục giao dịch chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

Cấp sơ thẩm nhận định việc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định 296 và Thông báo 684 về việc hạn chế giao dịch đối với mã chứng khoán DK, bị hủy niêm yết trên sàn HNX và chỉ được giao dịch trên sàn Upcom là “tình huống bất khả kháng” và được coi là “sự thay đổi của các qui định của pháp luật Việt Nam” là không có căn cứ theo điểm b, khoản 8.01, Điều 8 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần dẫn đến việc Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và các Hợp đồng cầm cố chứng khoán không có giá trị là nhận định không có căn cứ. Vì: 2 văn bản trên là văn bản có tính chất cá biệt của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, không thể được coi là qui định của pháp luật Việt Nam.

Trong hợp đồng không có điều nào qui định điều kiện cổ phần chuyển nhượng phải được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và chỉ được chuyển nhượng qua sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội mà tại Điều 4 của Hợp đồng còn qui định các bên được chuyển nhượng ngoài biên độ (chuyển dịch ngoài sàn giao dịch chứng khoán).

Từ những phân tích trên, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huyền. Buộc Bà H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng hoặc chịu mất khoản tiền đặt cọc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa có quan điểm như sau:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Ngày 11/4/2016, bà Khúc Thị Thanh H và Công ty Q AM có ký Biên bản thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần. Vào ngày 11/4/2016, Bà H đã chuyển tiền đặt cọc 10% giá trị hợp đồng theo ủy nhiệm chi cho bên bán. Ngày 23/6/2016, hai bên đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng và Biên bản thỏa thuận đặt cọc giữa các bên thì Biên bản thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Điều 4 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần quy định các bên làm thủ tục chuyển quyền sở hữu từ bên bán sang bên mua và làm các thủ tục để báo cáo UBCKNN chấp nhận vì giao dịch ngoài biên độ, bên mua còn phải ký hợp đồng cầm cố cổ phần vừa nhận chuyển nhượng và hợp đồng cầm cố cổ phần bổ sung của Công ty MDH. Tuy nhiên, bên mua đã đưa ra những lý do về nội dung hợp đồng cầm cố trái với thỏa thuận của các bên đã ký trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần để không ký hợp đồng cầm cố bổ sung, dẫn đến các bên không thực hiện được đầy đủ thủ tục chuyển sở hữu cổ phần cho bên mua, lỗi này thuộc về bên mua. Căn cứ quy định của pháp luật về chứng khoán, căn cứ thỏa thuận của các bên trong hợp đồng đặt cọc, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu mất khoản tiền đã đặt cọc cho bị đơn. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là Công ty Cổ phần Q đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo trong hạn luật định là hợp lệ. Nguyên đơn, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa bà Khúc Thị Thanh H và Công ty Cổ phần Q, là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp về Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty Cổ phần Q có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại tầng 25, tòa nhà Q, lô VP2 YH, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét Biên bản thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần ngày 11/4/2016 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 23/6/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn.

+ **Xét Biên bản thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần:** Ngày 11/4/2016 nguyên đơn và bị đơn có ký Biên bản thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần (với tiêu đề như trên nhưng thực chất là Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần) để mua 4.350.000 cổ phần phổ thông tương đương với 8,38% vốn điều lệ của Công ty DK. Hai bên đã thỏa thuận về: Số lượng cổ phần chuyển nhượng: 4.350.000 cổ phần phổ thông; Mã chứng khoán: DK; Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX); Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần; Giá chuyển nhượng: 4.300 đồng/cổ phần. Tổng giá trị chuyển nhượng: 18.705.000.000 đồng.

- Về số tiền đặt cọc: Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký thỏa thuận đặt cọc, bên mua phải chuyển 10% tổng giá trị chuyển nhượng cổ phần tương đương số tiền là 1.870.500.000 đồng vào tài khoản của bên bán.

- Về thủ tục chuyển nhượng: Sau khi nhận đủ tiền đặt cọc, hai bên sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần; Bên mua thế chấp bổ sung cổ phiếu DK cho bên bán, số lượng cổ phiếu 10.623.914 đồng tương đương 20% cổ phần của Công ty DK thuộc sở hữu của cổ đông lớn Công ty cổ phần đầu tư M. Thủ tục chuyển nhượng theo qui định của pháp luật và các qui định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Về quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ được qui định cụ thể trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

- Về thanh toán: sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng số tiền đặt cọc sẽ được khấu trừ vào tổng giá trị chuyển nhượng mà bên mua đã thanh toán cho bên bán.

Ngoài ra, hợp đồng còn qui định về thuế, các chi phí khác và điều khoản vi phạm biên bản thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần.

Việc ký biên bản thỏa thuận đặt cọc nêu trên giữa các bên là tự nguyện không bị ép buộc, lừa dối, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia ký kết, thỏa thuận đặt cọc để giao kết và thực hiện hợp đồng, nên thỏa thuận đặt cọc phát sinh hiệu lực giữa các bên.

Vào ngày 11/4/2016, Bà H đã chuyển tiền đặt cọc theo ủy nhiệm chi cho bên bán. Hai bên đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, bên mua đã đặt cọc 10% giá trị hợp đồng theo Điều 2 của Hợp đồng đặt cọc và điểm 1.01 Điều 1 của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Thỏa thuận đặt cọc đã có giá trị pháp lý và là 1 phần không tách rời của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 23/6/2016.

+ **Xét Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 23/6/2016, Hội đồng xét xử xét thấy:**

Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được nguyên đơn và bị đơn kí kết ngày 23/6/2016 ghi nhận đầy đủ nội dung của Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần, đồng thời qui định rõ về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên, việc bảo lãnh cầm cố

cổ phần của bên thứ 3. Hợp đồng được lập thành văn bản do người có thẩm quyền là các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi kí kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc lừa dối nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Từ thời điểm ký Thỏa thuận đặt cọc 11/4/2016, chứng khoán của Công ty DK đang được niêm yết trên sàn HNX (Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội). Hai bên đã thống nhất về giá mua 1 cổ phần là 4.300đ. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán; Điều 3 Khoản 2 Quy chế giao dịch Chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (kèm Quyết định số 345/QĐ-SGDHN ngày 24/7/2013 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội); Điểm c Khoản 2 Điều 3 Thông tư 74/2011/TT-BTC ngày 01/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch chứng khoán; Điều 19 Thông tư 05/2015/TT-BTC ngày 15/01/2015 hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán [(phụ lục kèm báo cáo) quy định về những trường hợp giao dịch ngoài biên độ]; căn cứ thỏa thuận của các bên tại Điều 4 của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, xác định việc mua bán cổ phần giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc trường hợp giao dịch nằm ngoài biên độ. Để thực hiện hợp đồng, bên mua và bên bán đồng thời phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điều 2,3,4 và 6 của Hợp đồng để hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận, để xin thực hiện giao dịch chuyển quyền sở hữu chứng khoán của bên bán cho bên mua. Xét đây là thỏa thuận tự nguyện của các bên và phù hợp với qui định của pháp luật.

Tại Điều 4 của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, 2 bên đã thỏa thuận bên bán phải thực hiện hoàn tất hồ sơ và đăng ký chuyển quyền sở hữu cổ phần chuyển nhượng tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho bên mua. Và điểm a, khoản 6.01 Điều 6 của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần qui định: Cùng với việc ký hợp đồng chuyển nhượng này, các bên phải ký hợp đồng cầm cố chứng khoán.

Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần quy định: bên mua phải cầm cố số cổ phần mà mình cam kết mua; đồng thời phải phải cầm cố bổ sung 10.700.000 cổ phần của bên cầm cố bổ sung để đảm bảo cho việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ thanh toán (Điều 2.04).

Điều 3 của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần quy định về thanh toán: trong đó đợt 1 sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, tiền đặt cọc được khấu trừ vào tổng giá trị giao dịch đã thanh toán. Đợt 2 số tiền còn lại (90% tổng giá trị giao dịch) sẽ được thanh toán sau 18 tháng kể từ ngày hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có hiệu lực.

Như vậy, việc thực hiện nghĩa vụ cầm cố cổ phần của Bà H và nghĩa vụ ký Hợp đồng cầm cố bổ sung là biện pháp đảm bảo để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong hợp đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán chưa thực hiện được vì bên mua chưa ký Hợp đồng cầm cố cổ phần bổ sung đối với 10.700.000 cổ phần của ông Trần Ngọc B mà bên bán đã soạn thảo căn cứ vào các nội dung mà các bên đã thỏa thuận và ký kết trong Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, dẫn đến Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chưa thực hiện được việc hoàn tất về hình thức là nội dung

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Bản án sơ thẩm xác định Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vô hiệu cả hình thức và nội dung là không chính xác bởi những phân tích nêu trên nên có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

+ Xét các hợp đồng cầm cố chứng khoán ngày 23/6/2016; 26/7/2016, 27/3/2017 và 31/3/2017.

Hồ sơ thể hiện có 4 hợp đồng cầm cố chứng khoán là:

- Hợp đồng cầm cố chứng khoán không số ngày 23/6/2016 (bị đơn và nguyên đơn đã ký vào hợp đồng – nguyên đơn cầm cố đối với 4.350.000 cổ phần).

- Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 02 ngày 26/7/2016 (hợp đồng cầm cố chứng khoán bổ sung của ông Trần Ngọc B do bị đơn đã ký, nguyên đơn không ký vào hợp đồng);

- Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 27 ngày 27/3/2017 và số 31 ngày 31/3/2017: Nguyên đơn yêu cầu thay đổi phạm vi bảo đảm chỉ bao gồm tài sản cầm cố bổ sung mà không bao gồm lợi tức, cổ tức, các quyền, lợi ích phát sinh từ tài sản cầm cố bổ sung (Điều 1.3 của Hợp đồng cầm cố chứng khoán do nguyên đơn ký) trong khi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần quy định rất rõ ràng rằng nguyên đơn có nghĩa vụ cầm cố tài sản cầm cố bổ sung và “tất cả các quyền và lợi ích liên quan đến số cổ phần này” (Điều 2.04).

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu 50% chi phí đăng ký giao dịch đảm bảo đối với việc cầm cố (Điều 3.3 của Hợp đồng cầm cố chứng khoán do nguyên đơn ký); trong khi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần quy định rất rõ ràng rằng nguyên đơn “có nghĩa vụ thanh toán chi phí phát sinh liên quan đến việc cầm cố, lưu ký, phong tỏa, giải tỏa tài sản đảm bảo” (Điều 5.2c).

Như vậy, đối với thỏa thuận cầm cố cổ phần bổ sung theo Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, do 2 bên mới ký Hợp đồng cầm cố chứng khoán đối với 4.350.000 cổ phần ngày 23/6/2016 của nguyên đơn mua, chưa ký được hợp đồng cầm cố bổ sung đối với ông Trần Văn B nên các bên chưa tiến hành làm thủ tục tại các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước về chuyển nhượng cổ phần nên hợp đồng chưa hoàn tất về mặt thủ tục.

Xem xét việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn thấy rằng: nguyên đơn hoàn toàn có lỗi trong thực hiện giao dịch liên quan đến việc ký Hợp đồng cầm cố bổ sung 10.700.000 cổ phần của ông Trần Ngọc B. Thực tế 3 bên (Công ty Q AM – Ông B – Bà H đã không thể thực hiện việc ký Hợp đồng cầm cố số cổ phần này để đảm bảo thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 23/6/2016. Lý do mà nguyên đơn và Ông B không ký hợp đồng là nguyên đơn đã sửa đổi điều khoản của hợp đồng không đúng với thỏa thuận của các bên như đã phân tích ở phần trên. Ông B trình bày: quyền và nghĩa vụ của ông chưa được đảm bảo nên ông không đồng ý ký. Như vậy, lý do mà nguyên đơn và Ông B đưa ra để không ký hợp đồng cầm cố là không có căn cứ và trái với thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Mặt khác, Bà H phải có nghĩa vụ thương thảo với Ông B để Ông B ký Hợp đồng cầm cố chứng khoán 3 bên để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

Mặt khác, theo thỏa thuận đặt cọc (Điều 3.02) và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (Điều 2.04) đã quy định Bà H có nghĩa vụ phải ký được thỏa thuận đặt cọc bổ sung (được xác định là 1 phần tài sản bảo đảm thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, việc đảm bảo chỉ hết hiệu lực trước khi Bà H hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng chuyển nhượng theo Điều 2 Hợp đồng).

Bị đơn đã cung cấp cho Tòa án 12 Công văn (từ 10/02/2017 đến 12/12/2017), theo đó, bị đơn đã yêu cầu Bà H sớm thực hiện việc ký Hợp đồng cầm cố bổ sung, trường hợp không thực hiện phải chịu hậu quả pháp lý đã thỏa thuận trong Hợp đồng và mất số tiền đặt cọc. Bà H cũng đã có Công văn (không số) ngày 20/6/2017 phúc đáp Công văn của bị đơn.

Bị đơn cung cấp được bản Hợp đồng cầm cố chứng khoán 3 bên (chỉ có chữ ký của nguyên đơn, chưa có chữ ký của Ông B). Về nội dung của hợp đồng 3 bên cũng có những thay đổi so với hợp đồng cầm cố 4.300.000 cổ phần đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tuy nhiên, khi lập hợp đồng 3 bên nguyên đơn đã thay đổi điều kiện tài sản bảo đảm (mục.3) chỉ bao gồm giá trị cổ phần, không bao gồm lợi tức, cổ tức, các quyền, lợi ích phát sinh từ tài sản bảo đảm. Về nghĩa vụ chịu phí (Điều 3.3 mỗi bên chịu 50%), phía bị đơn không đồng ý với việc thay đổi này là có cơ sở. Lỗi dẫn đến hợp đồng cầm cố không thể ký kết được dẫn đến không hoàn thiện về thủ tục chuyển nhượng cổ phần là hoàn toàn thuộc về nguyên đơn.

- Quá trình hai bên thương thảo hợp đồng cầm cố có sự kiện Trung tâm lưu ký chứng khoán có Thông báo số 1426/4.5.2017 gửi Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chuyển cổ phiếu của Công ty DK (mã chứng khoán DK) từ thị trường niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sang thị trường đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (sàn UpCOM). Lý do cổ phiếu bị hủy niêm yết tại HNX theo Quyết định 29 ngày 26/4/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hồ sơ thể hiện: sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 23/6/2016, ngày 26/7/2016, bị đơn đã thảo hợp đồng cầm cố, đã ký và chuyển cho nguyên đơn và nguyên đơn đã ký đối với hợp đồng cầm cố 4.350.000 cổ phần.

Ngày 26/7/2016, nguyên đơn đã soạn thảo, đã ký và chuyển cho bị đơn Hợp đồng cầm cố bổ sung đối với 10.700.000 cổ phần nhưng nguyên đơn không kí và đến ngày 27/3/2017 và 31/3/2017 (sau 8 tháng) nguyên đơn mới sửa và ký bản hợp đồng cầm cố mà bị đơn đưa và những nội dung thay đổi thì trái với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Bị đơn không đồng ý nội dung sửa đổi của nguyên đơn và liên tục có 12 Công văn yêu cầu nguyên đơn thực hiện đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và tiếp tục thực hiện hợp đồng. Đến ngày 12/12/2017, Công ty Q AM vẫn có Công văn 359 yêu cầu Bà H thực hiện nghĩa vụ nhận chuyển nhượng cổ phần. Tại các Công văn 164 ngày 20/6/2017; Công văn 165 ngày 21/6/2017; Công văn ngày 07/7/2017, Công ty Q AM đã hướng dẫn Bà H về việc nếu không thực hiện được Hợp đồng cầm cố bổ sung thì có thể lựa chọn các phương thức thanh toán ngay số tiền chuyển nhượng cổ phần như đã cam kết, tuy nhiên, Bà H không đồng ý thực hiện. Việc hai bên không thống nhất được các thỏa

thuận về cầm cố tài sản bổ sung (trong đó lỗi của bà Huyền), là nguyên nhân chính dẫn đến việc bị đơn Công ty Q AM không tiến hành bước hoàn thiện hồ sơ xin Ủy ban chứng khoán Nhà nước công nhận giao dịch ngoài biên độ.

Bản án sơ thẩm nhận định: việc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định 296 và Thông báo 684 về việc hạn chế giao dịch đối với mã chứng khoán DK, bị hủy niêm yết trên sàn HNX và chỉ được giao dịch trên sàn Upcom là “tình huống bất khả kháng” và được coi là “sự thay đổi của các qui định của pháp luật Việt Nam” theo điểm b, khoản 8.01, Điều 8 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần dẫn đến việc nguyên đơn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nữa là nhận định không có căn cứ. Bởi lẽ, 2 văn bản trên là văn bản có tính chất cá biệt của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, điều chỉnh hoạt động chứng khoán trong phạm vi mình quản lý nên không thể được coi là “sự thay đổi của pháp luật Việt Nam”. Mặt khác, từ thời điểm 2 bên ký hợp đồng chuyển nhượng đến khi có văn bản của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội là 10 tháng nhưng cả khoảng thời gian đó, nguyên đơn đưa ra những lý do như đã phân tích trên để chậm trễ và không ký hợp đồng cầm cố là lỗi hoàn toàn thuộc về nguyên đơn. Mặt khác, ở giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng như phúc thẩm, bị đơn luôn muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng và sẵn sàng thông nhất với nguyên đơn thực hiện chuyển nhượng theo hình thức thỏa thuận và vẫn có thể thực hiện thông qua khớp lệnh trên sàn nhưng nguyên đơn cũng không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng.

- Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các nội dung thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của bên bán và bên mua cổ phần tại Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc, chưa đánh giá đầy đủ chứng cứ do 2 đương sự cung cấp trên cơ sở các văn bản pháp luật về chứng khoán để đưa ra nhận định hợp đồng vô hiệu và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị Thanh Huyền, buộc bị đơn phải trả số tiền đặt cọc cho Bà H là đánh giá chứng cứ chưa phù hợp với tài liệu hồ sơ.

Trong trường hợp này, do hai bên đương sự không đi đến thống nhất việc sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, việc chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 23/6/2016 giữa Công ty Q AM và bà Khúc Thị Thanh H là có cơ sở. Do Bà H không thực hiện được nghĩa vụ ký Hợp đồng cầm cố cổ phần bổ sung là nguyên nhân dẫn đến việc các bên không tiến hành các bước hoàn thiện việc chuyển quyền sở hữu cổ phần. Vì vậy, căn cứ vào Điều 6.2 Thỏa thuận đặt cọc xác định việc chuyển nhượng số cổ phần không thực hiện được do lỗi của bên mua (bà Huyền), bên bán (Công ty Q AM) sẽ được hưởng toàn bộ số tiền đặt cọc, đồng thời toàn bộ số cổ phần vẫn thuộc quyền của bên bán là Công ty Q AM.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường tiền đặt cọc, cấp sơ thẩm không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là chưa chính xác.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Nhận định của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2018/KDTM - ST ngày 29,30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận C , Thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Áp dụng các Điều 26, khoản 1 Điều 35, 38, 39, 147, 148, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật chứng khoán; ; Điều 3 khoản 2 Quy chế giao dịch Chứng khoán niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội (kèm QĐ 345/24.7.13); Điểm c Khoản 2 Điều 3 Thông tư [74/2011/TT-BTC](#); Điều 19 Thông tư 05/2015/TT-BTC ngày 15/01/2015 hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; Nghị quyết số 326/30.12.2016 của UBTVQH , xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Q .
 2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị Thanh H về yêu cầu Công ty quản lý Quỹ Q bồi thường khoản tiền tương đương với số tiền đặt cọc là 1.870.500.000 đồng.
 3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị Thanh H về việc chấm dứt thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 23/6/2016 giữa Công ty Cổ phần Q và bà Khúc Thị Thanh Huyền.
 4. Công ty Cổ phần Q được hưởng số tiền 1.870.500.000 đồng bà Khúc Thị Thanh H đã đặt cọc để ký kết và thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 23/6/2016 và 4.350.000 cổ phần của Công ty Cổ phần DK .
 5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 68.115.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào 53.610.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 6035 ngày 15/6/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận C , Thành phố Hà Nội, Bà H còn phải nộp 14.505.000đ;
- Công ty Cổ phần Q không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả Công ty Cổ phần Q số tiền 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6817 ngày 14/3/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận C , Thành phố Hà Nội.
6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
 7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 15/11/2019.

Nơi nhận:

- TAND quận C
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi Cục THADS quận C ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thanh Thủy